

# THỰC TRẠNG THỰC HIỆN NỘI DUNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ QUA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Huỳnh Văn Chơn, Nguyễn Đắc Thanh  
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh  
Email: chonhv@hcmue.edu.vn

**Tóm tắt:** Nghiên cứu tập trung khảo sát thực trạng thực hiện nội dung giáo dục giới tính cho học sinh trung học cơ sở thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với 1025 khách thể, gồm 644 cán bộ quản lý, giáo viên và 381 học sinh. Kết quả cho thấy học sinh có mức độ hứng thú khá cao đối với các nội dung giáo dục giới tính, đặc biệt ở các hoạt động liên quan đến chăm sóc sức khỏe, phòng chống xâm hại và kỹ năng bảo vệ bản thân. Đồng thời, cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá hiệu quả thực hiện các nội dung giáo dục giới tính ở mức khá tốt. Tuy nhiên, một số nội dung liên quan đến thay đổi tâm sinh lý tuổi dậy thì và định hướng giá trị giới còn hạn chế về mức độ thu hút và hiệu quả thực hiện. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục giới tính thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong trường trung học cơ sở.

**Từ khóa:** giáo dục giới tính; hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; trung học cơ sở.

## CURRENT STATUS OF IMPLEMENTING SEX EDUCATION CONTENT FOR LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS THROUGH EXPERIENTIAL AND CAREER-ORIENTED ACTIVITIES IN DONG NAI PROVINCE

**Abstract:** This study investigates the current status of implementing sex education content for lower secondary school students through experiential and career-oriented activities in Dong Nai province. The research employed a questionnaire survey method with 1,025 participants, including 644 administrators and teachers, and 381 students. The results indicate that students showed a relatively high level of interest in sex education content, particularly in activities related to health care, abuse prevention, and self-protection skills. In addition, administrators and teachers evaluated the effectiveness of implementing sex education content at a fairly good level. However, some contents related to pubertal psychological and physiological changes and gender value orientation still revealed limitations in terms of attractiveness and implementation effectiveness. The findings provide a practical basis for proposing measures to improve the quality of sex education through experiential and career-oriented activities in lower secondary schools.

**Keywords:** sex education; experiential and career-oriented activities; lower secondary school.

Nhận bài: 20/03/2026

Phản biện: 20/04/2026

Duyệt đăng: 23/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, giáo dục giới tính (GDGT) cho học sinh trung học cơ sở (THCS) ngày càng trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm hỗ trợ các em phát triển lành mạnh về thể chất, tâm lý và hành vi xã hội. Thực tiễn cho thấy học sinh (HS) ở lứa tuổi vị thành niên đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ liên quan đến sức khỏe sinh sản và hành vi giới tính, trong khi độ tuổi quan hệ tình dục lần đầu có xu hướng giảm và khả năng tiếp cận thông tin trên môi trường mạng ngày càng gia tăng. Nếu thiếu định hướng đúng đắn, HS dễ hình thành nhận thức lệch lạc, dẫn đến các hành vi tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với bản thân và cộng đồng.

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTNHN) được xác định là môi trường giáo dục quan trọng nhằm hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho HS thông qua các hoạt động thực tiễn gắn với đời sống. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để

tích hợp nội dung GDGT theo hướng tăng cường trải nghiệm, tương tác và vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tế. Việc tổ chức GDGT thông qua HĐTNHN không chỉ giúp HS tiếp cận kiến thức về giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên mà còn góp phần hình thành thái độ, hành vi phù hợp và kỹ năng tự bảo vệ bản thân.

Tỉnh Đồng Nai là địa phương có tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh. Vì vậy, HS chịu tác động mạnh mẽ từ sự biến đổi của môi trường xã hội, văn hóa và truyền thông. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường hiệu quả triển khai GDGT trong nhà trường, đặc biệt thông qua các hình thức giáo dục mang tính trải nghiệm. Tuy nhiên, thực tế tổ chức GDGT qua HĐTNHN tại các trường THCS vẫn có thể còn tồn tại những hạn chế về nội dung tổ chức và mức độ đáp ứng nhu cầu của HS. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này tập trung khảo sát và phân tích thực trạng thực hiện

nội dung GDGT cho HS THCS thông qua tổ chức HĐTNNH tại tỉnh Đồng Nai, làm cơ sở đề xuất các định hướng và biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm thu thập dữ liệu về thực trạng thực hiện nội dung GDGT cho học sinh THCS thông qua tổ chức HĐTNNH tại tỉnh Đồng Nai. Khách thể khảo sát gồm 1025 người, trong đó có 644 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và 381 HS tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đối với nhóm CBQL và GV, bảng hỏi tập trung khảo sát mức độ hiệu quả của việc thực hiện các nội dung GDGT thông qua HĐTNNH; đối với nhóm

HS, bảng hỏi tập trung tìm hiểu mức độ hứng thú của HS đối với các nội dung và hình thức tổ chức hoạt động.

Công cụ nghiên cứu là bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ. Đối với nhóm CBQL và GV, các mức đánh giá gồm: 1 – Kém; 2 – Yếu; 3 – Trung bình; 4 – Khá; 5 – Tốt. Đối với nhóm HS, các mức đánh giá gồm: 1 – Không hứng thú; 2 – Rất ít hứng thú; 3 – Bình thường; 4 – Hứng thú; 5 – Rất hứng thú. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả, bao gồm điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC), xếp hạng (XH), trên phần mềm SPSS để phân tích và đánh giá thực trạng nghiên cứu. Quy ước điểm ĐTB được trình bày trong Bảng 1.

**Bảng 1: Quy ước điểm trung bình**

Khoảng	Mức độ hứng thú	Mức độ hiệu quả
1,00 – 1,80	Không hứng thú	Kém
1,81 – 2,60	Rất ít hứng thú	Yếu
2,61 – 3,40	Bình thường	Trung bình
3,41 – 4,20	Hứng thú	Khá
4,21 – 5,00	Rất hứng thú	Tốt

### 2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Đánh giá của học sinh về mức độ hứng thú khi tham gia nội dung giáo dục giới tính trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Bảng 2 cho thấy mức độ hứng thú của HS đối

với các nội dung GDGT được tổ chức thông qua HĐTNNH nhìn chung ở mức khá, với ĐTB chung đạt 3,778. Điều này cho thấy đa số HS có thái độ tích cực và tương đối quan tâm đối với các nội dung GDGT trong nhà trường.

**Bảng 2. Mức độ hứng thú của học sinh đối với các nội dung giáo dục giới tính trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	XH
1	Các hoạt động giúp em hiểu rõ về thay đổi dậy thì, cảm xúc, giới tính	3.64	1.015	8
2	Các hoạt động rèn luyện kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe, an toàn cá nhân	3.79	1.047	4
3	Các hoạt động phát triển kỹ năng xây dựng quan hệ tôn trọng, hợp tác	3.79	1.049	4
4	Hoạt động truyền thông về bình đẳng giới, phòng chống xâm hại	3.81	1.051	2
5	Hoạt động bảo vệ sức khỏe và môi trường sống	3.86	1.080	1
6	Hoạt động khám phá nghề nghiệp phù hợp với giới tính và năng lực	3.77	1.057	5
7	Hoạt động rèn luyện phẩm chất và năng lực nghề nghiệp	3.75	1.075	7
8	Hoạt động hướng dẫn lựa chọn nghề nghiệp	3.77	1.062	5
9	Hoạt động rèn luyện kỹ năng điều chỉnh cảm xúc, quản lý bản thân	3.79	1.075	4
10	Hoạt động phòng ngừa rủi ro, xâm hại, bạo lực giới	3.76	1.089	6
11	Hiệu quả kết hợp HĐTNNH với các môn học như Sinh học, Giáo dục công dân	3.80	1.071	3
12	Hiệu quả định hướng giá trị bình đẳng giới trong trường học	3.80	1.071	3
<b>Trung bình chung</b>		<b>3.778</b>	<b>1.062</b>	<b>-</b>

Trong các nội dung khảo sát, “Hoạt động bảo vệ sức khỏe và môi trường sống” được HS đánh giá hứng thú cao nhất với ĐTB = 3,86, xếp hạng 1. Kết quả này cho thấy những nội dung gắn với đời sống thực tiễn, sức khỏe cá nhân và môi trường sống có sức hấp dẫn đối với HS THCS. Tiếp theo là “Hoạt động truyền thông về bình đẳng giới, phòng chống xâm hại” với ĐTB = 3,81, xếp hạng 2; đồng thời các nội dung về “Hiệu quả kết hợp HĐTNHN với các môn học như Sinh học, Giáo dục công dân” và “Hiệu quả định hướng giá trị bình đẳng giới trong trường học” cùng đạt ĐTB = 3,80, xếp hạng 3. Điều này phản ánh HS quan tâm đến các hoạt động có tính tương tác, gắn gũi với các vấn đề xã hội và thực tiễn học đường.

Một số nội dung khác như rèn luyện kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe, an toàn cá nhân; phát triển kỹ năng xây dựng quan hệ tôn trọng, hợp tác; hay rèn luyện kỹ năng điều chỉnh cảm xúc, quản lý bản thân đều đạt ĐTB = 3,79, cho thấy mức độ hứng thú khá đồng đều giữa các nội dung giáo dục kỹ năng sống liên quan đến giới tính và sự phát triển cá nhân.

Tuy nhiên, nội dung “Các hoạt động giúp em hiểu rõ về thay đổi dậy thì, cảm xúc, giới tính” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,64), xếp hạng 8. Kết quả này cho thấy HS chưa thực sự hứng thú cao với các nội dung mang tính lý thuyết hoặc liên quan trực tiếp đến thay đổi tâm sinh lý tuổi dậy thì. Điều này đặt ra yêu cầu cần đổi mới hình thức tổ chức hoạt động theo hướng tăng cường trải nghiệm, tương tác và tạo môi trường tâm lý an toàn để HS cởi mở hơn khi tham gia các nội dung GDGT.

2.2.2. *Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về hiệu quả thực hiện nội dung giáo dục giới tính thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*

Bảng 3 cho thấy mức độ hiệu quả của các nội dung GDGT được thực hiện thông qua HĐTNHN được CBQL và GV đánh giá ở mức khá tốt, với ĐTB chung đạt 4,212. Kết quả này phản ánh các hoạt động GDGT trong nhà trường đã bước đầu phát huy hiệu quả trong việc hỗ trợ HS phát triển nhận thức, kỹ năng và hành vi phù hợp liên quan đến giới tính và định hướng nghề nghiệp.

**Bảng 3. Mức độ hiệu quả của các nội dung nội dung giáo dục giới tính trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	XH
1	Hoạt động khám phá bản thân: thay đổi tuổi dậy thì, cảm xúc, giới tính	4.186	0.8399	11
2	Hoạt động rèn luyện bản thân: kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe, an toàn cá nhân	4.217	0.8380	4
3	Hoạt động xây dựng quan hệ xã hội: tôn trọng, hợp tác, ứng xử về giới	4.211	0.8525	5
4	Hoạt động xây dựng cộng đồng: truyền thông bình đẳng giới, phòng chống xâm hại	4.233	0.8559	3
5	Hoạt động hướng đến tự nhiên: chăm sóc sức khỏe, an toàn môi trường sống	4.241	0.8418	1
6	Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp: nghề phù hợp với giới	4.207	0.8545	7
7	Hoạt động rèn luyện phẩm chất – năng lực nghề nghiệp	4.210	0.8519	6
8	Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp	4.205	0.8467	8
9	Hiệu quả của hoạt động rèn luyện kỹ năng tự điều chỉnh cảm xúc, quản lý bản thân liên quan đến giới tính	4.200	0.8432	9
10	Hiệu quả hoạt động trải nghiệm trong phòng ngừa rủi ro, xâm hại, bạo lực giới	4.238	0.8537	2
11	Hiệu quả phối hợp giữa HĐTNHN với các môn học (Sinh học, Giáo dục công dân) trong GDGT	4.205	0.8485	8
12	Hiệu quả của hoạt động định hướng giá trị bình đẳng giới trong cộng đồng	4.188	0.8714	10
	<b>Trung bình chung</b>	<b>4.212</b>	<b>0.85</b>	<b>-</b>

Trong các nội dung khảo sát, “Hoạt động hướng đến tự nhiên: chăm sóc sức khỏe, an toàn môi trường sống” được đánh giá hiệu quả cao nhất với ĐTB = 4,241, xếp hạng 1. Tiếp theo là “Hiệu quả hoạt động trải nghiệm trong phòng ngừa rủi ro, xâm hại, bạo lực giới” với ĐTB = 4,238, xếp hạng 2 và “Hoạt động xây dựng cộng đồng: truyền thông bình đẳng giới, phòng chống xâm hại” với ĐTB = 4,233, xếp hạng 3. Điều này cho thấy các hoạt động gắn với thực tiễn đời sống, bảo vệ bản thân và nâng cao nhận thức xã hội được CBQL và GV đánh giá có tác động tích cực và phù hợp với nhu cầu của HS THCS.

Các nội dung như rèn luyện kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe, an toàn cá nhân (ĐTB = 4,217), xây dựng quan hệ xã hội: tôn trọng, hợp tác, ứng xử về giới (ĐTB = 4,211) và rèn luyện phẩm chất – năng lực nghề nghiệp (ĐTB = 4,210) cũng được đánh giá ở mức hiệu quả khá cao. Kết quả này cho thấy việc tích hợp giáo dục giới tính trong HĐTNHN không chỉ góp phần cung cấp kiến thức mà còn hỗ trợ phát triển các kỹ năng sống và phẩm chất cần thiết cho HS.

Tuy nhiên, một số nội dung có mức đánh giá thấp hơn so với các nội dung khác, như “Hoạt động khám phá bản thân: thay đổi tuổi dậy thì, cảm xúc, giới tính” (ĐTB = 4,186), xếp hạng 11 và “Hiệu quả của hoạt động định hướng giá trị bình đẳng giới trong cộng đồng” (ĐTB = 4,188), xếp hạng 10. Điều này cho thấy việc triển khai các nội dung liên quan trực tiếp đến tâm sinh lý tuổi dậy thì và định hướng giá trị giới vẫn còn những hạn chế nhất định về cách thức tổ chức hoặc mức độ tác động thực tiễn đối với HS.

### 2.3. Bàn luận

Kết quả khảo sát cho thấy HS THCS tại tỉnh Đồng Nai có mức độ hứng thú khá tích cực đối với các nội dung GDGT được tổ chức thông qua HĐTNHN, đồng thời CBQL và GV cũng đánh giá các hoạt động này đạt hiệu quả ở mức khá tốt. Điều này phản ánh vai trò của HĐTNHN như một môi trường giáo dục phù hợp để triển khai GDGT theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Một trong những kết quả đáng chú ý là các nội dung gắn với thực tiễn đời sống như chăm sóc sức

khỏe, bảo vệ môi trường sống, phòng chống xâm hại, bạo lực giới hay rèn luyện kỹ năng an toàn cá nhân đều nhận được mức độ hứng thú và đánh giá hiệu quả cao. Điều này cho thấy HS ở lứa tuổi THCS có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề gần gũi với cuộc sống hằng ngày, có tính ứng dụng thực tiễn và liên quan trực tiếp đến nhu cầu tự bảo vệ bản thân. Đồng thời, các hoạt động mang tính trải nghiệm, truyền thông và tương tác xã hội cũng tạo điều kiện để HS chủ động tham gia, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy việc tích hợp GDGT với các môn học như Sinh học và Giáo dục công dân được đánh giá khá tích cực. Đây là cơ sở quan trọng để khẳng định tính cần thiết của việc tổ chức GDGT theo hướng liên môn và trải nghiệm, góp phần giúp HS không chỉ tiếp cận kiến thức mà còn phát triển thái độ, giá trị và hành vi phù hợp liên quan đến giới tính và các mối quan hệ xã hội.

Tuy nhiên, một số nội dung như tìm hiểu thay đổi tuổi dậy thì, cảm xúc, giới tính hay định hướng giá trị bình đẳng giới lại có mức độ hứng thú và hiệu quả thấp hơn so với các nội dung khác. Kết quả này có thể xuất phát từ đặc điểm tâm lý lứa tuổi THCS khi HS còn tâm lý e ngại, thiếu tự tin hoặc chưa sẵn sàng chia sẻ về các vấn đề mang tính cá nhân và nhạy cảm. Bên cạnh đó, cách thức tổ chức hoạt động ở một số trường có thể còn thiên về truyền đạt lý thuyết, thiếu sự tương tác và trải nghiệm thực tế nên chưa tạo được sự hấp dẫn đối với HS.

Từ những kết quả trên có thể thấy rằng GDGT thông qua HĐTNHN tại các trường THCS ở tỉnh Đồng Nai đã đạt được những kết quả tích cực bước đầu. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả giáo dục, cần tiếp tục đổi mới theo hướng tăng cường trải nghiệm, đối thoại, tư vấn tâm lý và xây dựng môi trường học tập an toàn, cởi mở để HS mạnh dạn tham gia và chia sẻ.

### III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc thực hiện nội dung GDGT cho HS THCS thông qua HĐTNHN tại tỉnh Đồng Nai đã đạt được những kết quả tích cực. HS thể hiện mức độ hứng thú khá cao đối với các hoạt động GDGT, đặc biệt là các nội dung gắn với chăm sóc sức khỏe, phòng chống xâm hại

và kỹ năng bảo vệ bản thân. Đồng thời, CBQL và GV cũng đánh giá các hoạt động này có hiệu quả khá tốt trong việc hỗ trợ HS phát triển nhận thức, thái độ và kỹ năng liên quan đến giới tính. Tuy nhiên, một số nội dung liên quan đến thay đổi tâm sinh lý tuổi dậy thì và định hướng giá trị giới vẫn chưa thực sự thu hút HS hoặc phát huy hiệu

quả cao như mong đợi. Điều này cho thấy cần tiếp tục đổi mới hoạt động theo hướng tăng cường trải nghiệm, tương tác và phù hợp hơn với đặc điểm tâm lý lứa tuổi HS THCS. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng GDGT thông qua HĐTNHN trong nhà trường hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Ngọc Oánh. (2008). *Tâm lý học giới tính và giáo dục giới tính*. NXB Giáo dục.
- Huỳnh Văn Sơn. (2019). *Giáo dục giới tính và kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- UNESCO. (2020). *Hướng dẫn kỹ thuật quốc tế về giáo dục giới tính và tình dục toàn diện*. Truy cập tại <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000373308>.